

BIỂU MẪU

Biểu số liệu thực trạng và lộ trình đạt các chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030 theo Nghị quyết số 71-NQ/TW đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 311/BC -UBND ngày 27/6/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2030 (NQ71)	Thực trạng năm học 2025-2026	Phấn đấu năm học 2026-2027	Phấn đấu năm học 2027-2028	Phấn đấu năm học 2028-2029	Phấn đấu năm học 2029-2030	Ghi chú
A. GIÁO DỤC MẦM NON								
1	- Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non kiên cố	29 phòng	25 phòng	24 phòng	28 phòng	28 phòng	29 phòng	
	+ Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non	29 phòng	25 phòng	24 phòng	28 phòng	28 phòng	29 phòng	
	Tỷ lệ phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non kiên cố, đạt chuẩn	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
2	- Tổng số giáo viên	69 người	59 người	59 người	67 người	67 người	69 người	
	+ Số giáo viên đạt chuẩn	69 người	59 người	59 người	67 người	67 người	69 người	
	Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo Luật Giáo dục)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
B. GIÁO DỤC PHỔ THÔNG - PHỔ CẬP VÀ TIẾP CẬN CÔNG BẰNG								
1	-Tổng số phòng học của Trường TH, THCS	72 phòng	58 phòng	59 phòng	70 phòng	70 phòng	72 phòng	
	+ Số phòng học kiên cố	72 phòng	58 phòng	59 phòng	70 phòng	70 phòng	72 phòng	
	+ Tỷ lệ phòng học kiên cố trong các cơ sở giáo dục phổ thông	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
2	- Tổng số giáo viên Tiểu học	61 người	54 người	61 người	61 người	61 người	61 người	
	+ Số giáo viên đạt chuẩn Tiểu học	61 người	54 người	61 người	61 người	61 người	61 người	
	Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo Luật Giáo dục)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
3	- Tổng số giáo viên Trung học cơ sở	56 người	45 người	56 người	56 người	56 người	56 người	
	+ Số giáo viên đạt chuẩn Trung học cơ sở	56 người	44 người	55 người	55 người	56 người	56 người	
	Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo Luật Giáo dục)	100%	97,78%	98,21%	98,21%	100%	100%	
C. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ NĂNG LỰC HỌC SINH								
1	Tổng số Trường TH triển khai giáo dục STEM/STEAM và AI	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	
	Số Trường TH triển khai giáo dục STEM/STEAM và AI	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	
	Năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo ở bậc phổ thông (tỷ lệ trường triển khai giáo dục STEM/STEAM và AI)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
2	Tổng số Trường THCS triển khai giáo dục STEM/STEAM và AI	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	
	Số Trường THCS triển khai giáo dục STEM/STEAM và AI	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	3 trường	
	Năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo ở bậc phổ thông (tỷ lệ trường triển khai giáo dục STEM/STEAM và AI)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
3	Tiểu học							
	- Tổng số danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	770 thiết bị	730 thiết bị	740 thiết bị	750 thiết bị	760 thiết bị	770 thiết bị	
	+ Số danh mục thiết bị đã được trang bị	770 thiết bị	359 thiết bị	460 thiết bị	670 thiết bị	760 thiết bị	770 thiết bị	
	+ Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT	100%	49,1%	62,2%	89,30%	100%	100%	

4	Trung học cơ sở							
	- Tổng số danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	996 thiết bị	996 thiết bị	996 thiết bị	996 thiết bị	996 thiết bị	996 thiết bị	
	+ Số danh mục thiết bị đã được trang bị	996 thiết bị	775 thiết bị	863 thiết bị	918 thiết bị	996 thiết bị	996 thiết bị	
	+ Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT	100%	77,80%	86,6%	92,1%	100%	100%	
D. CÔNG BẰNG GIÁO DỤC VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC								
1	- Tổng số học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được học trong trường nội trú, bán trú hoặc có hỗ trợ bán trú	1.320 học sinh	1. 264 học sinh	1. 275 học sinh	1. 300 học sinh	1. 305 học sinh	1. 320 học sinh	
	+ Số học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được học trong trường nội trú, bán trú hoặc có hỗ trợ bán trú	1.320 học sinh	1. 264 học sinh	1. 275 học sinh	1. 300 học sinh	1. 305 học sinh	1. 320 học sinh	
	+ Tỷ lệ học sinh vùng đồng bào DTTS, miền núi được học trong trường nội trú, bán trú hoặc có hỗ trợ bán trú (vùng KK)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
2	-Tổng số học sinh khuyết tật trong độ tuổi đi học trên địa bàn xã	9 học sinh	17 học sinh	14 học sinh	9 học sinh	9 học sinh	9 học sinh	
	+ Số học sinh khuyết tật được học hòa nhập hoặc trong cơ sở giáo dục chuyên biệt	9 học sinh	17 học sinh	14 học sinh	9 học sinh	9 học sinh	9 học sinh	
	+ Tỷ lệ học sinh khuyết tật được học hòa nhập hoặc trong cơ sở giáo dục chuyên biệt	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
E	CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ GIÁO DỤC							
1	Tổng số cán bộ quản lý giáo dục cấp xã	17 người	15 người	16 người	17 người	17 người	17 người	
	+ Số cán bộ quản lý giáo dục cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý giáo dục	17 người	15 người	16 người	17 người	17 người	17 người	
	- Tỷ lệ cán bộ quản lý giáo dục cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý giáo dục	100%	100%	100%	100%	100%	100%	

Ghi chú: Trên địa bàn xã có 03 đơn vị trường bán trú (PTDTBT TH&THCS).

